

Kết quả khám sức khỏe của từng địa phương (số liệu được cập nhật đến 5-7)

TT	Phường	Dân số	Số người đã được KSK từ ngày 25/5 đến 05/7	Số người đã được KSK từ ngày 01/01 đến 05/7	Tỷ lệ % (Từ ngày 01/01 đến ngày 05/7)
1	Đặc khu Côn Đảo	6,658	2,357	2,357	35.40
2	Xã An Nhơn Tây	45,143	11,663	11,914	26.39
3	Xã Thạnh An	5,212	893	944	18.11
4	Xã Bắc Tân Uyên	29,942	4,346	4,453	14.87
5	Xã Vĩnh Lộc	42,142	3,593	4,929	11.70
6	Phường Tân Mỹ	73,489	6,423	6,809	9.27
7	Xã Tân Nhựt	60,271	4,117	5,083	8.43
8	Xã Hiệp Phước	62,519	4,883	5,053	8.08
9	Xã Bà Điểm	124,175	9,204	9,790	7.88
10	Xã Xuân Thới Sơn	81,539	5,250	5,826	7.15
11	Xã Hưng Long	52,306	1,862	3,439	6.57
12	Phường Phước Thắng	53,283	2,998	3,431	6.44
13	Phường Tân Tạo	93,374	3,335	5,956	6.38
14	Xã Bình Khánh	34,497	1,401	2,154	6.24
15	Xã Hồ Tràm	52,598	1,817	2,940	5.59
16	Xã Đất Đỏ	44,891	2,411	2,415	5.38
17	Xã An Thới Đông	22,905	1,013	1,163	5.08
18	Xã Bình Lợi	32,026	919	1,487	4.64
19	Phường Bình Tân	118,262	4,084	5,118	4.33

20	Xã Tân Vĩnh Lộc	60,460	2,076	2,598	4.30
21	Xã Bình Mỹ	72,217	2,433	3,062	4.24
22	Xã Phú Hòa Đông	90,375	3,325	3,822	4.23
23	Xã Long Sơn	18,040	754	757	4.20
24	Phường Tăng Nhơn Phú	142,476	4,391	5,909	4.15
25	Xã Hòa Hiệp	25,791	943	949	3.68
26	Xã Bình Chánh	52,112	1,140	1,868	3.58
27	Phường Tây Nam	81,750	1,861	2,914	3.56
28	Phường Thủ Đức	113,774	3,401	3,932	3.46
29	Phường Linh Xuân	133,323	3,916	4,316	3.24
30	Phường Tam Thẳng	87,713	1,257	2,826	3.22
31	Phường Bình Phú	74,901	1,705	2,384	3.18
32	Xã Nhuận Đức	39,357	855	1,250	3.18
33	Xã Tân An Hội	73,708	1,573	2,299	3.12
34	Phường Long Trường	55,265	1,169	1,708	3.09
35	Phường An Đông	65,237	1,417	2,002	3.07
36	Xã Hóc Môn	77,900	1,769	2,353	3.02
37	Phường Tân Thới Hiệp	124,109	2,591	3,710	2.99
38	Phường Bình Hưng Hòa	171,537	3,670	5,095	2.97
39	Phường Chợ Lớn	72,683	2,086	2,119	2.92
40	Phường Đức Nhuận	72,972	1,268	2,017	2.76
41	Phường Long Phước	31,076	381	854	2.75
42	Phường Tân Phước	29,927	715	805	2.69
43	Xã Thái Mỹ	51,590	1,183	1,384	2.68
44	Phường Long Hương	32,230	193	851	2.64
45	Phường Thới An	88,246	1,885	2,223	2.52

46	Phường Hòa Bình	54,697	602	1,374	2.51
47	Phường Bình Đông	112,014	2,137	2,785	2.49
48	Xã Bình Hưng	75,023	1,023	1,838	2.45
49	Phường Bà Rịa	52,815	1,277	1,291	2.44
50	Xã Đông Thạnh	116,111	1,780	2,826	2.43
51	Phường Long Nguyên	54,770	235	1,331	2.43
52	Phường Phú Nhuận	71,135	1,024	1,726	2.43
53	Phường Đông Hưng Thuận	138,793	2,292	3,320	2.39
54	Xã Long Hải	110,726	2,415	2,628	2.37
55	Phường Tân Thuận	123,766	1,885	2,867	2.32
56	Phường Bình Lợi Trung	103,995	1,140	2,361	2.27
57	Phường Tam Bình	134,168	2,416	3,012	2.24
58	Phường Bình Trị Đông	163,826	2,945	3,612	2.20
59	Phường Tân Phú	96,673	1,656	2,123	2.20
60	Phường An Lạc	156,798	2,600	3,432	2.19
61	Phường An Phú Đông	91,973	1,448	1,980	2.15
62	Phường Xóm Chiếu	64,582	961	1,344	2.08
63	Phường Phú Thuận	68,924	1,106	1,434	2.08
64	Phường Bình Thới	69,578	1,070	1,447	2.08
65	Phường Bình Quới	44,882	600	927	2.07
66	Xã Cần Giờ	25,660	212	522	2.03
67	Phường Trung Mỹ Tây	104,133	1,292	2,115	2.03
68	Phường Phú An	53,125	594	1,076	2.03
69	Xã Nhà Bè	145,855	2,211	2,687	1.84
70	Xã Thường Tân	21,055	78	384	1.82
71	Phường An Khánh	65,665	1,124	1,196	1.82

72	Phường Tân Bình	80,702	1,103	1,469	1.82
73	Phường Phước Long	123,338	1,685	2,236	1.81
74	Phường Bình Tây	60,938	743	1,067	1.75
75	Phường Tam Long	43,170	480	747	1.73
76	Phường Khánh Hội	101,622	1,276	1,758	1.73
77	Xã Củ Chi	114,221	1,199	1,923	1.68
78	Phường Xuân Hòa	48,143	167	777	1.61
79	Phường Cát Lái	52,525	286	845	1.61
80	Phường Bình Trưng	100,953	1,177	1,596	1.58
81	Phường Phú Lâm	90,999	1,278	1,420	1.56
82	Phường Tân Khánh	147,283	1,713	2,289	1.55
83	Phường Bình Tiên	89,358	945	1,306	1.46
84	Phường Phú Định	137,231	1,471	1,991	1.45
85	Phường Rạch Dừa	78,310	1,119	1,119	1.43
86	Phường Long Bình	87,176	484	1,224	1.40
87	Phường Tân Định	52,219	726	733	1.40
88	Phường Hòa Lợi	97,612	602	1,360	1.39
89	Phường Hạnh Thông	116,596	851	1,623	1.39
90	Phường Phú Thạnh	110,045	1,054	1,524	1.38
91	Phường Thạnh Mỹ Tây	144,301	1,098	1,983	1.37
92	Phường Hiệp Bình	150,839	1,458	2,019	1.34
93	Phường Phú Thọ	58,642	540	775	1.32
94	Phường Bình Thạnh	114,155	955	1,508	1.32
95	Phường Tân Hưng	156,869	1,536	2,066	1.32
96	Phường Cầu Kiệu	72,616	692	946	1.30
97	Phường Phú Thọ Hòa	143,568	1,549	1,850	1.29

98	Phường Vĩnh Hội	64,621	516	828	1.28
99	Phường Bến Cát	109,167	871	1,393	1.28
100	Phường Tân Sơn Hòa	61,257	724	762	1.24
101	Phường Đông Hòa	140,991	1,417	1,734	1.23
102	Phường Chánh Phú Hòa	62,451	178	762	1.22
103	Phường Tân Sơn	56,491	337	671	1.19
104	Phường Bình Dương	119,459	808	1,399	1.17
105	Phường Tân Uyên	81,127	744	931	1.15
106	Xã Dầu Tiếng	39,794	439	447	1.12
107	Xã Long Điền	49,158	363	549	1.12
108	Xã Kim Long	33,824	296	377	1.11
109	Phường Diên Hồng	75,751	604	833	1.10
110	Xã Châu Đức	28,584	303	305	1.07
111	Phường An Hội Đông	102,290	300	1,079	1.05
112	Phường Chánh Hưng	195,356	1,881	2,043	1.05
113	Phường Chánh Hiệp	62,273	510	640	1.03
114	Phường Gia Định	133,600	683	1,373	1.03
115	Phường Tân Hải	31,078	313	316	1.02
116	Xã Phước Hải	44,014	425	439	1.00
117	Phường Tân Sơn Nhì	117,308	863	1,165	0.99
118	Xã Phước Thành	16,202	76	159	0.98
119	Phường Phú Lợi	123,140	645	1,199	0.97
120	Phường Vĩnh Tân	69,814	674	674	0.97
121	Phường Gò Vấp	89,263	558	853	0.96
122	Phường Minh Phụng	86,924	562	829	0.95
123	Phường Chợ Quán	60,118	547	571	0.95

124	Phường Vững Tàu	118,742	1,100	1,102	0.93
125	Phường An Hội Tây	119,113	962	1,095	0.92
126	Xã Nghĩa Thành	28,311	129	259	0.91
127	Phường Tân Đông Hiệp	114,079	300	1,011	0.89
128	Phường Thuận An	68,976	340	569	0.82
129	Phường Hòa Hưng	85,094	445	675	0.79
130	Phường Tân Thành	35,215	271	271	0.77
131	Phường Dĩ An	213,166	1,121	1,628	0.76
132	Phường Bảy Hiền	112,941	458	849	0.75
133	Phường Nhiêu Lộc	107,893	618	804	0.75
134	Phường An Nhơn	95,800	703	708	0.74
135	Xã Xuân Sơn	27,639	203	203	0.73
136	Phường Thủ Dầu Một	99,159	445	721	0.73
137	Phường Tây Thạnh	66,900	331	482	0.72
138	Xã Trừ Văn Thố	30,211	12	217	0.72
139	Phường Thông Tây Hội	118,648	815	850	0.72
140	Xã Thanh An	26,621	176	187	0.70
141	Phường Cầu Ông Lãnh	86,296	438	574	0.67
142	Phường Vườn Lài	104,890	505	656	0.63
143	Phường Tân Sơn Nhất	71,715	385	442	0.62
144	Phường Bến Thành	62,361	372	382	0.61
145	Xã Châu Pha	26,287	148	152	0.58
146	Phường Thới Hòa	98,588	312	540	0.55
147	Phường Phú Mỹ	91,383	486	495	0.54
148	Phường Tân Hòa	79,350	358	417	0.53
149	Phường Thuận Giao	157,925	365	802	0.51

150	Phường Bình Hòa	123,726	250	591	0.48
151	Phường Lái Thiêu	112,589	113	489	0.43
152	Phường An Phú	159,352	465	649	0.41
153	Xã Hòa Hội	36,448	69	146	0.40
154	Phường Tân Hiệp	146,977	535	569	0.39
155	Xã Phước Hòa	44,766	83	172	0.38
156	Xã Ngãi Giao	49,838	164	173	0.35
157	Xã Long Hòa	23,019	73	75	0.33
158	Xã Bàu Lâm	22,715	69	69	0.30
159	Xã Phú Giáo	44,261	33	124	0.28
160	Phường Sài Gòn	38,334	81	101	0.26
161	Phường Bình Cơ	81,176	167	191	0.24
162	Xã Bàu Bàng	51,771	37	118	0.23
163	Xã Xuyên Mộc	27,015	56	58	0.21
164	Xã Bình Giã	34,675	63	66	0.19
165	Phường Bàn Cờ	84,496	137	160	0.19
166	Xã Bình Châu	26,506	28	29	0.11
167	Xã An Long	18,739	7	17	0.09
168	Xã Minh Thạnh	26,623	13	13	0.05